

Bản án số: 605/2022/DS-ST
Ngày 28-09-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ.
2. Ông Lê Văn Khanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 đường K, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường Th, sinh năm: 1994. Địa chỉ: 1077 LG, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 446/2021/UQ-TTT ngày 15/03/2021 và văn bản ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/05/2020.

Bị đơn: Bà Trần Thị Cẩm T. Sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 80/1 Đường số H, khu phố T, phường BH, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà T vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, và các biên bản trong quá trình giải

quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) trình bày:

Ngày 08/08/2011, bà Trần Thị Cẩm T có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 38.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57.243.500 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/04/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 4.323.348 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 28/09/2022, bà T còn nợ tổng số tiền gốc và lãi là 9.319.528 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 4.323.348 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.996.180 đồng). Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 4.323.348 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng ($2.15\% * 150\%$) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Cẩm T phải trả ngay một lần tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/09/2022 là 9.319.528 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 4.323.348 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.996.180 đồng). Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/09/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Cẩm T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo đơn ngày 16/09/2022. Bị đơn bà Trần Thị Cẩm T vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Cẩm T thanh toán số tiền gốc và lãi đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/08/2011 thì bị đơn bà Trần Thị Cẩm T cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số 80/1, Đường số 12, khu phố 18, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu thì bị đơn bà Trần Thị Cẩm T đều có địa chỉ cư trú tại số 80/1, Đường số H, khu phố T, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên theo kết quả xác minh của Công an phường B, quận Bình Tân ngày 29/03/2022 thì hiện ở địa chỉ số 80/1, Đường số H, khu phố T, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên Trần Thị Cẩm T sinh sống và cư ngụ. Căn cứ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 thuộc trường hợp bà T đã thay đổi nơi cư trú khác, không còn cư trú tại địa chỉ ghi trong hợp đồng nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho người khởi kiện xem như cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xác định bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ số 80/1, Đường số H, khu phố T, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn bị đơn bà Trần Thị Cẩm T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như nhiều lần triệu tập bà Trần Thị Cẩm T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không cung cấp, giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay có yêu cầu

phản tố đối với nguyên đơn cho Tòa án. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Trần Thị Cẩm T thanh toán số tiền gốc và lãi đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với tổng số tiền gốc và lãi tính tạm tính đến ngày 28/09/2022 là 9.319.528 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 4.323.348 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.996.180 đồng). Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/09/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Xét thấy, căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết giữa bà Trần Thị Cẩm T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) ngày 08/08/2011, bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, bảng tóm tắt sao kê, thì thấy có cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp cho bà Trần Thị Cẩm T thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000 đồng. Tại thời điểm giao kết, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa các bên đương sự là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Khi ký kết hợp đồng, hai bên chủ thể đều là những cá nhân, pháp nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết nên hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với hai bên.

Căn cứ bảng tóm tắt sao kê ngày 28/09/2022 cho thấy, sau khi được cấp thẻ, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 38.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 57.243.500 đồng, trong đó có các khoản phí và lãi là 28.563.028 đồng (gồm: phí trễ hạn là 3.920.000 đồng, phí vượt hạn mức là 100.000 đồng, phí 2.136.000 đồng và tiền lãi là 22.407.028 đồng). Như vậy sau khi trừ các khoản phí và lãi thì số tiền bà T đã thanh toán cho Ngân hàng là: 28.680.472 đồng (57.243.500 đồng - 28.563.028 đồng = 28.680.472 đồng), nhưng do tổng số tiền bà T đã thực hiện các giao dịch là 38.000.000 đồng lớn hơn số tiền bà T đã thanh toán, do đó số tiền gốc và lãi bà T còn nợ là: 38.000.000 đồng - 28.680.472 đồng = 9.319.528 đồng (trong đó nợ gốc là 4.323.348 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.996.180 đồng). Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/04/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 4.323.348 đồng, xét yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/09/2022 là 4.996.180 đồng, xét thấy Ngân hàng tính lãi quá hạn dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Cẩm T có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng trên tổng

số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/09/2022) là 4.996.180 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn bà Trần Thị Cẩm T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ Ngân hàng.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Cẩm T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 9.319.528 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 4.323.348 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.996.180 đồng) x 5% = 465.976 (bốn trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi sáu) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0062980 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm a điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 121, Điều 122 và 305 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Buộc bà Trần Thị Cẩm T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 9.319.528 đồng (chín triệu ba trăm mười chín nghìn năm trăm hai mươi tám đồng). Trong đó: tiền nợ gốc là 4.323.348 đồng (bốn triệu ba trăm hai mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 4.996.180 đồng (bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/09/2022), bà Trần Thị Cẩm T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Cẩm T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 465.976 (bốn trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi sáu) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0062980 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hợi